

Bản án số: 20/2019/HS-ST

Ngày: 23-7-2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LAI VUNG, TỈNH ĐỒNG THÁP

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Út

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Quang Kim Cúc - Nghề nghiệp: Nguyên là giáo viên, nguyên Phó Phòng GD-ĐT huyện Lai Vung, hiện đã về hưu.

Ông Nguyễn Phát Triển - Nghề nghiệp: Cán bộ hưu trí.

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Trung Vinh là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp.

- **Đại D Viện kiểm sát nhân dân huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa:** Bà Phan Bích Liễu - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 7 năm 2019, tại Phòng xử án của Tòa án nhân dân huyện Lai Vung xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 23/2019/TLST-HS, ngày 14 tháng 6 năm 2019; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 23/2019/QĐXXST-HS, ngày 02 tháng 7 năm 2019 đối với bị cáo:

Lê Văn T, sinh ngày: 07/12/1997, tại: Đồng Tháp; Nơi cư trú: 405/5, ấp T T, xã T P, huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp; Nghề nghiệp: Làm thuê; Trình độ học vấn: 9/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Lê Văn T và bà Nguyễn Thị T; Tiền án, tiền sự: Không; Tạm giữ: Không; Tạm giam: Từ ngày 11/01/2019 cho đến nay. Hiện bị cáo đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp (Bị cáo có mặt tại phiên tòa).

- **Bị hại:**

Trần Ngọc P - sinh ngày: 26/5/2003 (có mặt tại phiên tòa); *Trú tại:* 277, ấp T Đ, xã T T, huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp.

- **Người đại diện hợp pháp của bị hại Trần Ngọc P:**

Trần Văn L - sinh năm: 1975 (cha ruột) (có mặt tại phiên tòa);

Lâm Thị C - sinh năm: 1975 (mẹ ruột) (có mặt tại phiên tòa);

Cùng trú tại: 277, ấp T Đ, xã T T, huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp.

- **Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại Trần Ngọc P:** Trợ giúp viên pháp lý: Ông Hà Văn N - Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Đồng Tháp, Chi nhánh số 1 (có mặt tại phiên tòa).

Địa chỉ: 466 đường N S S, K 5, P 1, thành phố Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Lê Văn T - sinh năm: 1952 (có mặt tại phiên tòa);
2. Nguyễn Thị T - sinh năm: 1956 (có mặt tại phiên tòa);

Cùng trú tại: 405/5, ấp T T, xã T P, huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp.

- *Người làm chứng:*

1. Trần Thị Anh T - sinh năm: 1998 (có mặt tại phiên tòa); *Trú tại:* 277, ấp T Đ, xã T T, huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp.
2. Ngô Văn D - sinh năm: 1997 (có mặt tại phiên tòa); *Trú tại:* 405A/5, ấp T T, xã T P, huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp.
3. Nguyễn Thị Đ - sinh năm: 1988 (có mặt tại phiên tòa); *Trú tại:* ấp P A, xã T L, huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang.
4. Trần Thị N - sinh năm: 1975 (vắng mặt tại phiên tòa); *Trú tại:* 148 KDC ấp L P, xã H L, huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp.
5. Trần Ngọc Q - sinh năm: 1954 (vắng mặt tại phiên tòa); *Trú tại:* ấp N Q, xã V T, huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng tháng 10/2017, Trần Ngọc P sinh ngày 26/5/2003, mượn giấy chứng minh nhân dân của chị ruột tên Trần Thị Anh T, sinh ngày 09/12/1998 để ký kết hợp đồng lao động với Công ty C M ở xã T T, huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp. Lê Văn T cũng làm công nhân chung với Trần Ngọc P tại Công ty C M nên quen biết nhau, P giới thiệu với T mình tên là T - 19 tuổi, cả hai thường xuyên nói chuyện, nhắn tin với nhau thông qua mạng xã hội (Zalo), từ đó đã nảy sinh tình cảm nam nữ với nhau.

Từ tháng 11 năm 2017 đến tháng 01 năm 2018, Lê Văn T đã thực hiện hành vi giao cấu với Trần Ngọc P 08 lần, các lần giao cấu T và P đều tự cởi quần áo trên người ra, sau đó T đưa dương vật vào ra trong âm hộ của P khoảng 05 phút thì T xuất tinh. Cụ thể các lần giao cấu như sau:

- Khoảng tháng 11 năm 2017 (không nhớ rõ ngày cụ thể), Lê Văn T chở Trần Ngọc P đến thuê phòng tại nhà trọ T T, ở xã V T, huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp và sau đó là nhà trọ T T, ở xã H L, huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp giao cấu với P 02 lần. Ngoài ra, cũng trong khoảng thời gian này, sau khi làm việc ca đêm tại Công ty C M thì Trần Ngọc P không về nhà của P mà đến nhà của Lê Văn T ở số 405/5, ấp T T, xã T P, huyện Lai Vung 04 ngày không liên tục (không nhớ rõ ngày cụ thể), mỗi lần đến thì T giao cấu với P 01 lần tại phòng riêng của T, sau đó P ở lại nhà T ngủ đến sáng ngày hôm sau thì ra về. Ở các lần giao cấu, T có sử dụng bao cao su và xuất tinh trong âm hộ của P hay không thì không nhớ rõ, riêng P thì sau đó có uống thuốc tránh thai.

- Đến khoảng 23 giờ, một ngày trong tháng 01 năm 2018, Lê Văn T chở Trần Ngọc P đến thuê phòng tại nhà nghỉ Ngọc P ở ấp T L, xã T T, huyện Lai

Vung; tại đây, T giao cầu với P khoảng 05 phút thì xuất tinh trong âm hộ của P. Sau đó, T chở P đi ăn, uống đến khoảng 02 giờ ngày hôm sau thì quay trở lại nhà nghỉ Ngọc P, T tiếp tục giao cầu với P khoảng 05 phút rồi xuất tinh trong âm hộ của P, cả hai ngủ đến sáng thì ra về. Trên đường về nhà, T mua thuốc tránh thai kê P uống nhưng sau khi về đến nhà thì P quên uống.

Từ khoảng tháng 02 năm 2018, Lê Văn T và Trần Ngọc P không còn nói chuyện, gặp mặt và giao cầu với nhau. Đến tháng 5 năm 2018, Trần Ngọc P phát hiện có dấu hiệu đang mang thai nên nói cho mẹ ruột là chị Lâm Thị C biết. Ngày 02/7/2018 chị Lâm Thị C chở Trần Ngọc P đến Trung tâm y tế huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp thăm khám, kết luận Trần Ngọc P đang mang thai hơn 06 tháng tuổi nên chị Lâm Thị C tố giác hành vi giao cầu của Lê Văn T đến Công an xã T T, huyện Lai Vung.

Ngày 13/9/2018, tại Bệnh viện đa khoa Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp Trần Ngọc P sinh được bé gái và đặt tên Trần Thanh T.

Tại Kết luận giám định gen để xác định quan hệ huyết thống số 4025/C09B ngày 26/11/2018 của Viện Khoa học Hình sự tại TP.Hồ Chí Minh kết luận: “Cháu Trần Thanh T là con ruột của Lê Văn T và Trần Ngọc P”.

Tại bản cáo trạng số 18/CT-VKS, ngày 12/6/2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Lai Vung, đã truy tố Lê Văn T ra trước Toà án nhân dân huyện Lai Vung, để xét xử về tội “Giao cầu với người từ đủ 13 tuổi đến dưới 16 tuổi” theo điểm a, d khoản 2 Điều 145 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa:

- Bị cáo Lê Văn T khai nhận toàn bộ hành vi đã thực hiện phù hợp với nội dung bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Lai Vung truy tố bị cáo về tội “Giao cầu với người từ đủ 13 tuổi đến dưới 16 tuổi”.

- Bị hại Trần Ngọc P trình bày có quen T do đi làm chung Công ty C M, từ tháng 11 năm 2017 đến tháng 01 năm 2018 P có ở chung nhà trọ với T 3 lần và về nhà T ở 04 đêm nhưng không nhớ ngày cụ thể. Trong những ngày ở chung T đã 08 lần thực hiện hành vi giao cầu với P, sau khi giao cầu P điều uống thuốc tránh thai, ngoại trừ 02 lần giao cầu tại nhà nghỉ Ngọc P ở ấp T L, xã T T, huyện Lai Vung thì T có mua thuốc cho P uống nhưng P quên uống và sau này thì P phát hiện có thai và đã sinh con. Gia đình P đã nhận tiền bồi thường tổn thất tinh thần và danh dự nhân phẩm là 85.000.000 đồng từ gia đình T, P không yêu cầu bồi thường gì thêm và xin giảm nhẹ hình phạt cho T. Ngoài ra Trần Ngọc P cho rằng sau khi Ca tay với bị cáo T thì khoảng tháng 02 năm 2018 có quen và yêu thương với Ngô Văn D, P và D có 04 lần quan hệ tình dục, Trần Ngọc P yêu cầu xử lý hình sự đối với Ngô Văn D.

- Người đại D hợp pháp của bị hại Trần Ngọc P là Lâm Thị C và Trần Văn L cùng trình bày: Từ khi P làm ở Công ty C M là gia đình không biết P quen với T, đến ngày 02/7/2018 chị Lâm Thị C chở Trần Ngọc P đến Trung tâm y tế huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp khám, thì phát hiện Trần Ngọc P đang mang thai hơn 06 tháng tuổi, anh chị hỏi P thì P nói T đã quan hệ tình dục với P, hiện nay P đã sinh con và đặt tên là Trần Thanh T. Lâm Thị C và Trần Văn L đã nhận 85.000.000 đồng từ gia đình bị cáo bồi thường, nay chị C và anh L không yêu cầu bị cáo bồi

thường gì thêm và xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo T. Ngoài ra Trần Ngọc P cho rằng sau khi Ca tay với bị cáo T thì khoảng tháng 02 năm 2018 có quen và yêu thương với Ngô Văn D, P và D có 04 lần quan hệ tình dục, tại thời điểm này P chưa đủ 16 tuổi chị Lâm Thị C và anh Trần Văn L yêu cầu xử lý hình sự đối với Ngô Văn D.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lê Văn T và bà Nguyễn Thị T cùng trình bày năm 2017 T làm công nhân trong Công ty C M, khoảng thời gian từ tháng 11 năm 2017 đến tháng 01 năm 2018 T quen với P thì ông bà không biết, việc T và P có quan hệ tình dục với nhau hay không thì ông bà không biết. Sau khi sự việc xảy ra Lê Văn T và Nguyễn Thị T đã bồi thường 85.000.000 đồng cho gia đình bị hại để khắc phục cho T, số tiền này ông bà không yêu cầu T trả lại.

- Người làm chứng Ngô Văn D trình bày: D là bạn bè với T và P, việc T và P quan hệ tình dục là D không biết chỉ biết 02 người yêu nhau, rồi khoảng tháng 01 năm 2018 thì T và P chia tay rồi D mới quen P nhưng không quan hệ tình dục với P, lời trình bày của P là không đúng, ngoài ra không trình bày gì thêm.

- Người làm chứng Trần Thị Anh T trình bày: P có mượn giấy chứng minh nhân dân của T để làm hồ sơ xin việc làm ở Công ty C M, việc P quen biết với T thì T không biết gì, ngoài ra không trình bày gì thêm.

- Người làm chứng bà Nguyễn Thị Đ trình bày: Bà là quản lý nhà trọ Ngọc P, khách ra vào thường xuyên nên không biết P và T có thuê phòng hay không là không biết và trong sổ theo dõi cũng không có ghi tên P và T, ngoài ra không trình bày gì thêm.

- Đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố luận tội: khẳng định việc truy tố đúng như cáo trạng đã nêu là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật Lê Văn T đã có hành vi 08 lần giao cấu với P và dẫn đến P có thai và sinh con, khi thực hiện hành vi bị cáo có đầy đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bị cáo đã tác động gia đình bồi thường đủ số tiền theo yêu cầu của gia đình bị hại, bị hại và đại diện hợp pháp của bị hại xin giảm nhẹ hình phạt; đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm a, d khoản 2 Điều 145; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 và Điều 54 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017; xử phạt Lê Văn T từ 02 đến 03 năm tù. Về xử lý vật chứng: Không có. Về trách nhiệm dân sự: Đã giải quyết xong. Riêng đối với Ngô Văn D thì bị hại P và người đại diện cho P yêu cầu xử lý hình sự, vì cho rằng D quan hệ tình dục với P vào thời gian khoảng tháng 02 năm 2018 lúc đó P chưa đủ 16 tuổi; nhưng tại phiên tòa D không thừa nhận, việc này không có ảnh hưởng gì đến nội dung vụ án này và cũng không làm mất quyền lợi đối với bị cáo T, nên sau này làm rõ hành vi của D nếu có dấu hiệu phạm tội thì sẽ xử lý bằng 01 vụ án khác theo quy định pháp luật.

Trợ giúp viên pháp lý ông Hà Văn N phát biểu quan điểm: Thống nhất luận tội của Kiểm sát viên và ngoài ra không có ý kiến tranh luận gì.

Bị cáo Lê Văn T thống nhất với Bản cáo trạng và luận tội của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lai Vung, không tranh luận gì. Bị cáo yêu cầu Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, để sớm được trở về với gia đình và xã hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Cơ quan cảnh sát điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên của huyện Lai Vung trong quá trình khởi tố, điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, đúng trình tự thủ tục của Bộ luật tố tụng hình sự quy định. Giai đoạn điều tra cũng như tại phiên tòa, những người tham gia tố tụng trong vụ án không có ý kiến, khiếu nại gì về hành vi, quyết định của các cơ quan, người tiến hành tố tụng. Do đó các chứng cứ, tài liệu đã thu thập có trong hồ sơ vụ án là hợp pháp.

[2] Về hành vi của bị cáo: Bị cáo Lê Văn T đã có hành vi giao cấu với Trần Ngọc P 08 lần khoảng thời gian từ tháng 11 năm 2017 đến tháng 01 năm 2018, bị hại P chưa đủ 16 tuổi ở nhiều địa điểm khác nhau dẫn đến Trần Ngọc P có thai và đã sinh con. Lời nhận tội của bị cáo là phù hợp với hiện trường vụ án, phù hợp với lời khai của bị hại, người đại diện hợp pháp của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và người làm chứng cùng các chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, do đó lời nhận tội của bị cáo là có căn cứ, bị cáo thực hiện tội phạm với lỗi cố ý, khi thực hiện hành vi phạm tội bị cáo đã đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự, có đầy đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự và nhận thức rõ hành vi của mình là trái pháp luật, cho nên hành vi của bị cáo Lê Văn T có đầy đủ các yếu tố cấu thành tội “Giao cấu với người từ đủ 13 tuổi đến dưới 16 tuổi” phạm vào điểm a, d khoản 2 Điều 145 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại điểm a, d khoản 2 Điều 145 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 quy định:

“1. Người nào đủ 18 tuổi trở lên mà giao cấu hoặc thực hiện hành vi quan hệ tình dục khác với người từ đủ 13 tuổi đến dưới 16 tuổi, nếu không thuộc trường hợp quy định tại Điều 142 và Điều 144 của Bộ luật này, thì bị phạt tù từ 01 năm đến 05 năm.

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 03 năm đến 10 năm:

a) Phạm tội 02 lần trở lên;

...

d) Làm nạn nhân có thai; ...”.

[3] Về tính chất, mức độ tội phạm: Hành vi của bị cáo Lê Văn T là nghiêm trọng và nguy hiểm cho xã hội, là nguy hiểm cho xã hội, làm ảnh hưởng đến tình hình trật tự, trị an ở địa phương, kỷ cương pháp luật bị xâm hại, xâm phạm đến danh dự và nhân phẩm của trẻ em, làm tổn hại đến sự phát triển về tinh thần và thể chất của Trần Ngọc P vi phạm nếp sống lành mạnh, văn minh của xã hội, vì dục vọng thấp hèn và lợi dụng sự nhẹ dạ của Trần Ngọc P, bị cáo T bất chấp dư luận, cố ý thực hiện hành vi giao cấu với trẻ em, vì vậy việc đưa bị cáo ra xét xử như ngày hôm nay là cần thiết, thể hiện sự nghiêm minh của pháp luật, đồng thời nhằm mục đích giáo dục phòng ngừa chung trong xã hội, cũng qua phiên tòa này chúng

ta cũng nghiêm khắc phê phán những bậc làm cha mẹ thiếu sự quan tâm chăm sóc đối với con cái, nhất là các cháu gái, đó là điều kiện dẫn đến sự đáng tiếc như vụ án này. Xét tính chất, mức độ, ý thức và hậu quả phạm tội của bị cáo, cần cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian để có điều kiện răn đe, giáo dục bị cáo trở thành người tốt có ích cho gia đình, xã hội và phòng ngừa chung cho những ai có tư tưởng như bị cáo.

[4] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Bị cáo không có tình tiết tăng nặng.

Bị cáo Lê Văn T đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, đã bồi thường xong theo yêu cầu bị hại, bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo đây là tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, bị cáo được hưởng 02 tình tiết giảm nhẹ ở khoản 1 Điều 51, nên được áp dụng bị cáo được hưởng theo Điều 54 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung 2017.

[5] Bị hại Trần Ngọc P và người đại diện hợp pháp của bị hại cùng cho rằng Ngô Văn D có quan hệ tình dục với P 04 lần trong khoảng thời gian tháng 02 năm 2018, lúc này P chưa đủ 16 tuổi, yêu cầu xử lý hình sự đối với Ngô Văn D. Tại phiên tòa Ngô Văn D thừa nhận có quen biết với P vào khoảng tháng 02 năm 2018 nhưng không thừa nhận là có quan hệ tình dục với P; bị cáo T cho rằng không biết việc P và D quen biết hay quan hệ tình dục và cũng không liên quan gì trong vụ án của bị cáo. Hội đồng xét xử xét thấy việc yêu cầu của bị hại P và người đại diện của bị hại P cần được làm rõ, nên đề nghị Cơ quan điều tra Công an huyện Lai Vung và Viện kiểm sát huyện Lai Vung điều tra xác minh làm rõ, nếu có dấu hiệu tội phạm của Ngô Văn D thì xử lý bằng 01 vụ án khác theo quy định của Pháp luật.

[6] Về xử lý vật chứng: Không có.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại, người đại diện của bị hại, bị cáo và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã thỏa thuận xong, không ai yêu cầu gì thêm; nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[8] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

[9] Bị cáo, bị hại, người đại diện hợp pháp của bị hại, người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào điểm a, d khoản 2 Điều 145; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và Điều 54 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tuyên bố bị cáo Lê Văn T phạm tội “Giao cấu với người từ đủ 13 tuổi đến dưới 16 tuổi”.

Xử phạt bị cáo Lê Văn T 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 11/01/2019.

2. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội, về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bị cáo Lê Văn T phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo, bị hại, người đại diện hợp pháp của bị hại, người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án 23/7/2019.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh ĐT;
- VKSND tỉnh ĐT;
- VKSND H.Lai Vung;
- CCTHA-DS H.Lai Vung;
- Cơ quan điều tra H. Lai Vung;
- Cơ quan THAHS H. Lai Vung;
- Sở tư pháp;
- Bị cáo, các đương sự;
- Lưu HS, AV.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Nguyễn Văn Út